

Đơn vị: Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thành phố Đồng Nai

Mẫu biểu số 75

Chương: 505

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
9 THÁNG NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-KCNKT ngày /10/2026 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thành phố Đồng Nai công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Quý III năm 2026 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện riêng Quý III năm 2026	Lũy kế 9 tháng năm 2026	Lũy kế thực hiện / Dự toán năm (%)	Ước thực hiện Quý III năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6	7
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
I	Số thu phí, lệ phí	5.900	1.379	2.629	45%	
1	Lệ phí	100	-	126	126%	
	Lệ phí cấp giấy phép xây dựng	100	-	5	5%	
	Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam	-	-	121		
2	Phí	5.800	1.379	2.503	43%	
	Phí thẩm định giấy phép môi trường	2.000	159	406	20%	
	Phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi	1.200	185	624	52%	
	Phí thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500	2.600	1.035	1.473	57%	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	5.900	1.379	2.629	45%	
1	Lệ phí	100	-	126	126%	
	Lệ phí cấp giấy phép xây dựng	100	-	5	5%	
	Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam		-	121		
2	Phí	5.800	1.379	2.503	43%	
	Phí thẩm định giấy phép môi trường	2.000	159	406	20%	
	Phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi	1.200	185	624	52%	
	Phí thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500	2.600	1.035	1.473	57%	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	47.016	10.245	35.131	75%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	47.016	10.245	35.131	75%	
1	Chi quản lý hành chính	45.941	9.989	34.851	76%	

1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	20.105	5.895	15.836	79%	
	Chi con người	13.178	4.421	12.399	94%	
	Chi hoạt động (101 biên chế x 80 triệu)	6.927	1.474	3.437	50%	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	25.836	4.094	19.015	74%	
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ (cấp giấy phép xây dựng, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thẩm định cấp giấy phép môi trường, Hậu kiểm tra)	703	76	569	81%	
	Kinh phí hỗ trợ một số hoạt động riêng, đặc thù	153	18	75	49%	
	Kinh phí sử dụng VP của Phòng Quản lý XNK khu vực Đồng Nai trực thuộc Bộ Công thương	153	-	-	0,0%	
	Kinh phí hoạt động Bàn Nhật Bản (Bàn Kansai đổi tên)	411	8	8	2%	
	Kinh phí tổ chức Hội nghị doanh nghiệp FDI	294	55	294	100%	
	Kinh phí duy trì trang thông tin điện tử	99	59	59	60%	
	Kinh phí lập đồ án quy hoạch phân khu xây dựng các Khu công nghiệp	14.400	262	14.394	100%	
	Kinh phí Chi phí thanh toán đợt 02: gói thầu tư vấn lập đề án chuyển đổi và mở rộng Khu công nghệ cao CNSH thành Khu Công nghệ cao Đồng Nai	208	-	-	0%	
	Kinh phí Công tác đánh giá tác động môi trường trong giai đoạn nghiên cứu tiền khả thi cho Khu công nghệ cao	535	-	-	0%	
	Kinh phí hỗ trợ tết NĐ2026	106	106	106	100%	
	Kinh phí hỗ trợ NQ40/2025	2.018	1.588	1.588	79%	
	KP hỗ trợ CBCC tại Trung tâm phục vụ HCC	43	32	32	74%	
	Kinh phí Chinh lý hồ sơ tài liệu lưu trữ	6.713	1.890	1.890	28%	
2	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	1.075	256	280	26%	
2.1	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.075	256	280	26%	
II	Nguồn vốn viện trợ					
III	Nguồn vay nợ nước ngoài					